

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2019.

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hồng Hà và ông Dương Văn Ngạn.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Hòa X, sinh năm 1987.

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn 2, xã CS, huyện CG, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Chị Trần Thu P, sinh năm 1987.

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn 2, xã CS, huyện CG, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Phạm Hòa X trình bày: Anh và chị P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 2013 tại UBND xã CS, huyện CG, tỉnh HD. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình nhà anh một thời gian thì chuyển ra sinh sống riêng. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống và sinh hoạt nên cuộc sống không có hạnh phúc. Mặc dù, anh chị không thường xuyên đánh, cãi nhau nhưng không quan tâm đến nhau, anh có cuộc sống của anh, chị có cuộc sống của chị. Tuy sống

chung nhà nhưng vợ chồng ly thân ngay sau khi kết hôn. Khi gia đình có việc gì chung thì anh chị mới trao đổi cùng nhau, còn cuộc sống hàng ngày, anh chị sống không đúng nghĩa là vợ chồng, thậm chí anh đi đâu và làm gì anh cũng không trao đổi với chị, chị cũng không hỏi. Anh chị luôn khắc khẩu, mỗi khi trao đổi công việc anh không kìm chế được bản thân lại xúc phạm đến chị. Cuộc sống vợ chồng nặng nề như vậy diễn ra từ cuối năm 2013 đến nay. Anh chuyển ra chỗ khác sống từ đầu năm 2018. Trong suốt khoảng thời gian vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh chị không gặp, không liên hệ để hàn gắn tình cảm. Gia đình hai bên cũng biết mâu thuẫn vợ chồng, gia đình cũng đã hòa giải nhưng thực sự anh chị không còn tình cảm với nhau nên không thể về chung sống cùng nhau được. Vì vậy, anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Phương T, sinh ngày 29/11/2013. Khi ly hôn anh đồng ý để chị P nuôi dưỡng con, anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 5.000.000đ/tháng. Hiện nay con anh chị đang sinh sống cùng ông bà nội, con vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Tuy nhiên, con anh là con gái nên sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ là cần thiết cho sự phát triển toàn diện của con.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Trần Thu P trình bày: Chị và anh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký như anh X trình bày là chính xác. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, cuộc sống gia đình nặng nề, anh X là người nóng tính, mỗi khi vợ chồng có bất hòa anh ấy lại có những lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị. Bản thân chị là phụ nữ, chị đã cố gắng chịu đựng vì muốn con mình có một gia đình trọn vẹn. Tuy nhiên, chị càng chịu đựng, anh càng có thái độ coi thường chị. Anh chị sống ly thân ngay sau khi chị sinh con xong, anh có thái độ thờ ơ nhưng chị không có biện pháp nào để níu kéo anh. Chị cũng mệt mỏi bởi cách sống vô tâm, không trách nhiệm của anh đối với gia đình và mẹ con chị. Anh chuyển ra ngoài sống hơn một năm nay nhưng chưa lần nào vợ chồng trao đổi bình tĩnh để tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn nhưng chị có nguyện vọng và đề nghị Tòa án mở phiên tòa để giải quyết cho anh chị ly hôn nhau. Chị không ký vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của Tòa bởi chị đã hứa với những người thân trong gia đình

là chị không đồng ý ly hôn với anh, Tòa án quyết định cho anh được ly hôn chị, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con. Anh X tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 5.000.000đ/tháng, chị nhất trí. Hiện nay chị đang làm tại Công ty kính mắt Việt Tín, thu nhập của chị khoảng 6.000.000đ – 7.000.000đ/tháng. Chị đảm bảo đủ khả năng nuôi dưỡng con phát triển tốt về mọi mặt. Hiện nay, con chị đang sinh sống cùng ông bà nội, khi vợ chồng ly hôn xong, chị thu xếp sẽ đón con về chung sống cùng chị để chị chăm sóc.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Anh chị xác định, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, quan điểm của bị đơn (thông qua đơn xin xét xử vắng mặt). Về quan hệ vợ chồng: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không thuận tình ly hôn với anh X . Về con: Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con và yêu cầu anh X cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng. Về tài sản, nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên, bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (được viết tắt là BLTTDS), Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Phạm Hòa X được ly hôn chị Trần Thu P. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Phương T, sinh ngày 29/11/2013 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị P 5.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Anh X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (được viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Phương.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hòa X và chị Trần Thu P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Sơn vào năm 2013. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày phù hợp với nhau: Do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị sống ly thân một thời gian dài, hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và không có biện pháp gì để tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc. Anh X xin ly hôn chị P, chị P nhất trí ly hôn. Điều đó khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên tại phiên tòa chị P vắng mặt nên HĐXX xử cho anh Phạm Hòa X được ly hôn chị Trần Thu P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Anh chị đều thống nhất quan điểm. Khi Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn thì Tòa án giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng. Anh X nhất trí. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận về nuôi con chung của anh chị là tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái pháp luật, phù hợp với cuộc sống của con nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên. Giao con Phạm Thị Phương T, sinh ngày 29/11/2013 cho chị P nuôi dưỡng, anh X có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Hòa X phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Phạm Hòa X được ly hôn chị Trần Thu P.

2. Về con chung: Giao con Phạm Thị Phương T, sinh ngày 29/11/2013 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh X có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị P là 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng một tháng), kể từ tháng 04/2019 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Phạm Hòa X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, gặp gỡ con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Hòa X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0003285 ngày 21/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh X phải nộp thêm số tiền 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: Thông báo cho anh X biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cẩm Sơn, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

